TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 11 năm 2019
V/v: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà ***Trần Thị Lệ Thanh***
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông ***Phùng Văn Thị.***
2. Ông ***Phạm Mạnh Cường.***

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Vi Thị Năm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba: Bà **Hoàng Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:105/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Xuân Q -sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 6 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Y - sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Hà Xuân Q trình bày:**

Anh và chị Phan Thị Y kết hôn với nhau ngày 12/11/2002, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Đỗ Sơn đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại gia đình anh tại khu 6 xã Đỗ Sơn, tình cảm vợ chồng hòa thuận. Mâu thuẫn của vợ chồng anh bắt đầu nảy sinh từ năm 2016 do anh không đồng ý cho chị Y đi lao động xuất khẩu, chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2016. Từ khi bỏ đi chị Y không quan tâm đến

anh và con chung. Nay tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Y.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Hà Thanh T sinh ngày 22/7/2003 và Hà Đức M sinh ngày 26/4/2005. Hai con chung đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tại giai đoạn hòa giải, chuẩn bị xét xử: Toà án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên về phiên họp và hòa giải nhưng bị đơn là Phan Thị Y vắng mặt không có lý do vì vậy Toà án không thể lấy lời khai của chị Y cũng như mở phiên hoà giải vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử từ khi nhận đơn, thụ lý, thông báo hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toán đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX : Xử cho anh Q được ly hôn chị Y. Giao cho anh Q nuôi con chung, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn trong vụ án là chị Phan Thị Y đã được Tòa án triệu tập, niêm yết công khai hợp lệ: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ..... nhưng chị Y vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Xuân Q và chị Phan Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng anh Q, chị Y đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh Q trình bày là do anh không đồng ý cho chị Y đi lao động xuất khẩu, chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2016. Từ khi ly thân chị Y không quan tâm đến anh và con, Tại biên bản xác minh ngày 18/9/2019 UBND xã Đỗ Sơn cũng cho biết chị Y về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2016. Khi còn chung sống vợ chồng anh Q chị Y thỉnh thoảng có cãi chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không biết.Vì thế có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh Q, chị Y đã lầm vào tình trạng mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của anh Quyết đối với chị Y là có cơ sở để chấp nhận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Hà Xuân Q và chị Phan Thị Y có hai con chung Hà Thanh T sinh ngày 22/7/2003 và Hà Đức M sinh ngày 26/4/2005. Hai con chung đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu T và M khi bố mẹ ly hôn đều xin ở với bố. Chị Y vắng mặt nên không thể hiện được nguyện vọng nuôi con. Vì thế để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung HĐXX chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh Q. Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu.

*** Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất ruộng:** Anh Hà Xuân Q không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Phan Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu.

*** Về án phí:** Anh Hà Xuân Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, điều 81,82,83 luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Cho anh Hà Xuân Q được ly hôn chị Phan Thị Y.

*** Về con chung:** Xử: Giao cho anh Hà Xuân Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Hà Thanh T sinh ngày 22/7/2003 và Hà Đức M sinh ngày 26/4/2005. Chị Phan Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất ruộng:** Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác, khi đương sự có yêu cầu.

*** Về án phí:** Anh Hà Xuân Q phải chịu 300.000.đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp 300.000.đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001736 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Anh Q đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Chi cục THADS;*
- *Lưu AV,HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Lệ Thanh